

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/03/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 623/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/2/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/2/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh M**, sinh năm 1986

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay : Liên bang N.

(Chị N có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; anh M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị N trình bày:

Chị và anh Lê Thanh M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/6/2009 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị cùng sinh sống với gia đình cậu ruột anh, thời gian đầu vợ chồng tình cảm, sau đó đến năm 2012 khi chị sinh con thứ hai, vợ chồng mâu thuẫn, chị đưa con về nhà ngoại sống, vợ chồng ly thân đến năm 2018 anh M đi lao động tại Liên bang N, không có sự quan tâm, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thanh V, sinh ngày 30/01/2010 và Lê Thanh P, sinh ngày 29/2/2012, hiện hai cháu đang sống cùng chị. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con cho chị chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung.

Về án phí: Chị N tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Do nguyên đơn chị N không cung cấp được địa chỉ của anh M tại Liên bang N. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh M, với bà Phan Thị Đ là người nuôi dưỡng anh M từ khi anh M còn nhỏ đến nay, bà Đ xác định: Bà là mẹ của anh M, vợ chồng bà nuôi anh M từ nhỏ do bố mẹ anh M ly hôn, không có điều kiện nuôi con, bà là người đi hỏi vợ và tổ chức lễ cưới cho anh M, về điều kiện kết hôn giữa anh M và chị N, mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là đúng; sau khi kết hôn vợ chồng anh M sống cùng gia đình bà, năm 2012 khi chị N sinh con, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị N về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh M vẫn ở cùng gia đình bà, sau đó anh M đi lao động tại Liên bang N, anh M thường xuyên liên lạc về gia đình, anh M xác định giữa anh và chị N có mâu thuẫn, cãi vã và ly thân thời gian dài, nay chị N xin ly hôn anh cũng nhất trí. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh M biết.

Về con chung: Anh M1 và chị N có 02 con chung là Lê Thanh V, sinh ngày 30/01/2010 và Lê Thanh P, sinh ngày 29/2/2012, hiện anh M1 đang lao động ở nước ngoài nên không có điều kiện để chăm sóc con chung, anh M1 đồng ý giao hai con cho chị N chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Anh M1 và chị N không có tài sản, công nợ chung.

Cháu V và cháu P có quan điểm xin được ở cùng mẹ Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Đề nghị xử cho chị N được ly hôn anh M1; giao con chung Lê Thanh V, sinh ngày 30/01/2010 và Lê Thanh P, sinh ngày 29/02/2012 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Bị đơn anh Lê Thanh M hiện đang sinh sống và làm việc Liên bang N nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, chị N vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, anh M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/6/2009 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị N cho rằng vợ chồng mâu thuẫn, ly thân từ năm 2012, không liên lạc, hỏi han và quan tâm đến nhau, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Thông qua gia đình, anh M có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2012, chị N xin ly hôn anh nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị N và anh M có 02 con chung là cháu Lê Thanh V, sinh ngày 30/01/2010 và Lê Thanh P, sinh ngày 29/2/2012; hiện hai cháu đang ở cùng chị N.

Chị N có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi 2 con vì hiện nay anh M đang lao động tại Liên bang N nên không có đủ điều kiện để nuôi con. Thông qua gia đình, anh M có quan điểm đồng ý giao con cho chị N. Do vậy, căn cứ quyền lợi mọi mặt và nguyện vọng của con chung, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giao hai con cho N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự tự nguyện của chị N là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị N.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Thanh M.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Lê Thanh V, sinh ngày 30/01/2010 và Lê Thanh P, sinh ngày 29/02/2012 cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Thanh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005334 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thái Dương, huyện Bình Giang;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến

